

Bàn về tiêu chí của nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế ở Việt Nam

Chu Văn Cấp^(*)

Tóm tắt: Bài viết góp phần luận giải về nội dung kinh tế thị trường (KTMT) định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCH) được trình bày trong các văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam thông qua việc xem xét và phân tích các tiêu chí của nền kinh tế này.

Từ khóa: Kinh tế thị trường hiện đại, Kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, Tiêu chí của nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế

Abstract: The article contributes to the interpretation of the content of the socialist-oriented market economy presented in the documents of the Communist Party of Vietnam through the review and analysis of the criteria of this economy.

Keywords: Modern Market Economy, Socialist-oriented Market Economy, Criteria of the Modern Market Economy, International Integration

1. Nhận thức về tính tất yếu phải phát triển nền kinh tế thị trường hiện đại

Nền KTMT xuất hiện trong xã hội loài người cách đây hơn 300 năm và đã trải qua nhiều thời kỳ hoàn thiện và phát triển. Thời kỳ đầu là nền KTMT tự do cạnh tranh (KTMT sơ khai), trong khoảng thời gian từ 1750-1930.

Quá trình phát triển KTMT sơ khai đã đem lại một số kết quả là làm cho xã hội loài người tích lũy được những điều kiện hết sức cơ bản để chuyển sang nấc thang phát triển mới - KTMT có sự quản lý của nhà nước từ những năm 1930 trở lại đây.

Từ những năm 1990, nhờ ứng dụng một cách nhanh chóng và mạnh mẽ các

thành tựu mới của khoa học - công nghệ vào nền kinh tế (kể cả về mặt kỹ thuật - công nghệ lẫn tổ chức và quản lý) nền KTMT đã chuyển sang trình độ *phát triển cao hơn* - “nền kinh tế thị trường hiện đại” (hiện đại ở đây được hiểu là sự phát triển hiện đại với nội dung cơ bản: cách mạng khoa học - công nghệ, kinh tế tri thức, toàn cầu hóa nền kinh tế và phát triển bền vững). KTMT hiện đại là nền kinh tế dựa trên nền tảng của khoa học và công nghệ tiên tiến, kết hợp *hài hòa 4 yếu tố: thị trường - nhà nước pháp quyền - xã hội dân sự và hội nhập quốc tế sâu rộng*. Mục tiêu mà nền KTMT hiện đại hướng tới là: sự hưng thịnh của quốc gia, dân tộc, sự giàu có, sung túc của người dân và sự tự do, bình đẳng của con người trong xã hội.

^(*) GS.TS., Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Email: chuvancap@gmail.com

Như vậy, sau mấy trăm năm hoàn thiện và phát triển, nền KTTT đã mang đến cho xã hội loài người *một bộ mặt hoàn toàn mới, đó là: giàu có, văn minh và hiện đại*. Chính vì thế, giờ đây dù muốn hay không, mọi người đều thừa nhận KTTT là sản phẩm của nền văn minh nhân loại, là thành quả phát triển của xã hội loài người và xây dựng *nền KTTT hiện đại là con đường phát triển tất yếu của các quốc gia để đạt tới nấc thang phát triển cao hơn nữa*.

2. Những tiêu chí (tiêu chuẩn) của nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế

Hiện nay đang còn có nhiều quan điểm khác nhau về nền KTTT hiện đại và hội nhập quốc tế. Tuy vậy, từ thực tiễn các nền KTTT phát triển ở các nước thuộc Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) và các nước phát triển khác, có thể thấy một số đặc trưng hay tiêu chí cơ bản của nền KTTT hiện đại và hội nhập quốc tế như sau:

1) *Là nền kinh tế có sở hữu hỗn hợp*, trong đó, sở hữu cổ phần chiếm ưu thế. Ở đó, các công ty cổ phần với quy mô vừa và nhỏ có lợi thế hơn hẳn các loại hình doanh nghiệp và công ty khác. Do lợi ích và đặc điểm pháp lý mà pháp luật quy định, nên loại hình công ty cổ phần chiếm tỷ trọng lớn trên tổng các loại hình doanh nghiệp và công ty, ví như ở Nhật Bản khoảng 98%, ở Mỹ chiếm khoảng 90% (Dẫn theo: Chu Văn Cấp, 2016).

2) *Là nền kinh tế đã “thị trường hóa” cao độ*, tức là một nền KTTT thực sự đầy đủ, không còn yếu tố phi thị trường, môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi cho mọi loại hình doanh nghiệp;... Để phát huy tính hiệu quả của cơ chế thị trường, sự can thiệp của nhà nước vào nền KTTT phải tuân theo nguyên tắc thị trường và tôn trọng các quy luật thị trường, bãi bỏ ưu tiên, ưu đãi.

3) *Nền KTTT hiện đại phát triển dựa trên khoa học - công nghệ hiện đại, kinh tế tri thức và nguồn nhân lực chất lượng cao*. Trong nền KTTT hiện đại, sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao chiếm tỷ trọng lớn. Ví như, ở Nhật Bản, Đức, Anh, Pháp... tỷ trọng các ngành công nghệ cao chiếm hơn 30% GDP; ở Mỹ chiếm trên 50% GDP, trong đó chủ yếu là ngành công nghệ thông tin - chiếm trên 30% GDP. Trong nền KTTT phát triển đã hình thành và phát triển kinh tế tri thức. Tri thức là yếu tố sản xuất đóng vai trò quan trọng, quyết định nhất so với các yếu tố sản xuất truyền thống (đất đai, vốn tài chính, tài nguyên thiên nhiên). Hiện nay, ở các nền KTTT phát triển thuộc OECD, 50% giá trị sản phẩm có nguồn gốc từ các ngành lấy tri thức làm cơ sở. Theo bảng xếp hạng về Chỉ số kinh tế tri thức (KEI) của Ngân hàng Thế giới (WB) năm 2012, Canada xếp thứ 7 với 8,92 điểm (thang điểm 10); các nước tiếp theo có các con số tương ứng: Đức xếp thứ 8 với 8,9, Mỹ xếp thứ 12 với 8,77, Nhật Bản xếp thứ 22 với 8,28, Pháp xếp thứ 24 với 8,21... (WB, 2012). Trong các nền KTTT hiện đại Âu - Mỹ đều có nguồn nhân lực chất lượng cao, tiêu biểu là đội ngũ “công nhân trí thức”. Mỹ là nước có nền KTTT hiện đại phát triển cao, hiện nay “công nhân trí thức” chiếm tới 70% tổng số công nhân lao động.

4) *Nền KTTT hiện đại có cơ cấu kinh tế hiện đại*, tỷ trọng nông nghiệp và công nghiệp trong GDP giảm, tỷ trọng các ngành dịch vụ tăng. Tỷ trọng ngành dịch vụ trong GDP của các nước thuộc OECD lên đến 70%, Hồng Kông là 90%, Mỹ là 80%, Nhật Bản 74% (Dẫn theo: Chu Văn Cấp, 2016). Các ngành tài chính - ngân hàng (kể cả bảo hiểm) và dịch vụ kinh doanh trở thành các ngành dịch vụ quan trọng, tạo ra phần lớn

giá trị gia tăng của ngành dịch vụ và là động lực thúc đẩy tăng trưởng của nền kinh tế.

5) *Nhà nước có vai trò khác nhau trong nền KTTT*. Ở các nền KTTT phát triển hiện nay đều có sự can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế ở những mức độ và hình thức khác nhau, tùy theo quan điểm vận dụng các lý thuyết kinh tế, như “nhà nước tối đa, thị trường tối thiểu” theo lý thuyết kinh tế của J.M. Keynes; “nhà nước ít hơn, thị trường nhiều hơn” theo quan điểm của chủ nghĩa tự do mới và kết hợp chặt chẽ giữa bàn tay vô hình (thị trường) và bàn tay hữu hình (nhà nước) để điều tiết nền kinh tế. Dù theo quan điểm nào thì nhà nước vẫn phải vận dụng và tuân theo các quy luật của KTTT.

6) *Nền KTTT hiện đại và hội nhập quốc tế là nền KTTT “mở”* với sự chi phối của thể chế kinh tế theo hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa, tự do hóa và hình thành các hiệp định thương mại tự do song phương, đa phương, nhằm tăng cường vai trò điều tiết của nhà nước đối với nền kinh tế, không chỉ giới hạn ở một quốc gia mà có sự điều chỉnh xuyên quốc gia.

3. Sự tiệm cận, “tiến gần” đến nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế của mô hình kinh tế thị trường Việt Nam hiện đại

Mô hình KTTT Việt Nam hiện đại vừa phải bao hàm các mục tiêu, giá trị căn bản của nền KTTT, song vẫn phải đảm bảo yếu tố đặc thù, riêng có - yếu tố Việt Nam trong mô hình, tức là định hướng XHCN.

Nội hàm của mô hình có thể được làm rõ bởi các tiêu chí (tiêu chuẩn) dưới đây:

a. *Phát triển lực lượng sản xuất hiện đại phải là tiêu chí trước tiên của nền KTTT Việt Nam hiện đại*

Cơ sở để khẳng định tiêu chí này là 1 trong 8 đặc trưng của mô hình CNXH mà

Việt Nam hướng tới - “có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011: 70).

Xem xét một cách tổng quát, lực lượng sản xuất trong nền KTTT Việt Nam hiện đại phải là lực lượng sản xuất hiện đại. Trong thời đại ngày nay, bên cạnh trình độ hiện đại của các tư liệu lao động hiện đại (máy móc, thiết bị...), thì yếu tố nhân lực giữ vị trí hết sức quan trọng. Nhân lực với tư cách là một phần của lực lượng sản xuất hiện đại phải là con người có tri thức, có tinh thần tự tôn dân tộc, có ý thức cộng đồng, có năng lực tư duy độc lập, sáng tạo và bản lĩnh... Việc phát triển lực lượng sản xuất vừa phải phát huy tiềm năng con người Việt Nam, vừa phải đảm bảo con người phát triển một cách toàn diện. Cần phát huy tối đa nhân tố con người, lấy con người là trung tâm, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.

Khoa học và công nghệ là nhân tố quan trọng của lực lượng sản xuất hiện đại, là nhân tố mang tính quyết định sự phát triển xã hội ở mọi thời đại, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay. Trình độ phát triển của khoa học và công nghệ là tiêu chí để phân biệt thời đại phát triển trong lịch sử phát triển và tiến bộ xã hội của loài người. Trong thời đại ngày nay, sự xuất hiện một sản phẩm mới, một ngành công nghiệp mới đi liền với và dựa vào nghiên cứu và triển khai khoa học và công nghệ. Hiện nay, bất cứ một sự tăng trưởng kinh tế nào cũng phải gắn với sự đổi mới, phát triển công nghệ. Đổi mới, nâng cấp trình độ công nghệ sản xuất và phát triển khoa học và công nghệ được khẳng định là phương thức nhanh nhất để đạt được mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Lý thuyết và thực

tiến phát triển của xã hội loài người đều tựu chung ở nguyên lý mà cách đây hàng thế kỷ K. Marx đã từng chỉ ra: “Người ta mỗi lần đều giành được tự do chừng nào việc đó không phải do lý tưởng về con người mà *do lực lượng sản xuất hiện hành quyết định và cho phép*” (C. Mác - Ph. Ăngghen Toàn tập, tập 3, 1986: 593-594). Trong lực lượng sản xuất, cái cốt lõi, yếu tố quyết định trình độ là khoa học và công nghệ.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại bắt đầu từ cuối thế kỷ XX phát triển như vũ bão đã giúp các nền kinh tế phát triển trên thế giới chuyển sang kinh tế tri thức, với những thay đổi sâu sắc về cách thức hoạt động của sản xuất - kinh doanh, cách thức tổ chức quản lý cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, vị trí con người trong sản xuất. Nền kinh tế tri thức sản sinh ra trên cơ sở phát triển nền kinh tế công nghiệp nhưng theo hướng chủ yếu dựa vào tri thức và khoa học, công nghệ hiện đại, tạo ra của cải vật chất cho xã hội nhiều hơn, trình độ dân trí được nâng cao... Phát triển kinh tế tri thức đã trở thành định hướng chủ đạo trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nhiều quốc gia. Chính vì vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định “Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn tới là tiếp tục đẩy mạnh thực hiện mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện phát triển KTTT định hướng XHCN và hội nhập quốc tế gắn với phát triển kinh tế tri thức, lấy khoa học, công nghệ, tri thức và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực chủ yếu...” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016: 90).

Kinh tế thị trường Việt Nam hiện đại chỉ có thể phát triển trên cơ sở của lực lượng sản xuất hiện đại. Sự phát triển của kinh tế tri thức là *đặc trưng cơ bản* của lực lượng sản xuất hiện đại.

b. Kinh tế thị trường Việt Nam hiện đại xây dựng trên cơ sở đa hình thức sở hữu, thành phần kinh tế và đa dạng các loại hình doanh nghiệp, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là động lực cơ bản và sở hữu cổ phần sẽ chiếm ưu thế.

Trong các nền KTTT có bao nhiêu chế độ sở hữu?

Trong lịch sử phát triển xã hội loài người, tuy trải qua nhiều phương thức sản xuất khác nhau từ thấp đến cao, nhưng chỉ có hai chế độ sở hữu cơ bản là chế độ sở hữu tư nhân (còn gọi là chế độ tư hữu) và chế độ sở hữu công cộng (còn gọi là chế độ công hữu) về tư liệu sản xuất. Đó là “2 cực” của một hệ thống có sự phân biệt ranh giới rõ ràng cả về *chủ thể sở hữu* (một bên chủ sở hữu là cá nhân/tư nhân và một bên chủ sở hữu là cộng đồng người với quy mô và phạm vi khác nhau), về *phạm vi các đối tượng sở hữu*. Thông thường, chế độ công hữu có phạm vi rộng và cơ cấu phức tạp hơn nhiều so với chế độ tư hữu. Trong nền KTTT, điều này lại càng thể hiện rõ nét.

Theo tính phổ quát về quan hệ sở hữu trong nền KTTT cho thấy: một quốc gia chỉ tồn tại hai chế độ sở hữu là chế độ sở hữu tư nhân và chế độ sở hữu công cộng. Lịch sử phát triển của nhân loại đã cho thấy không có một chế độ sở hữu nào là thuần nhất một hình thức sở hữu, mà đan xen nhiều hình thức sở hữu khác nhau (trừ chế độ sở hữu công xã nguyên thủy). Xu hướng phát triển của nhân loại, của nền sản xuất xã hội không phải đi đến chỗ đơn nhất hóa mà ngược lại ngày càng đa dạng hóa các hình thức sở hữu.

Ở Việt Nam hiện nay, trong các văn kiện chính thức của Đảng và Hiến pháp không xác định rõ ràng phạm trù sở hữu công cộng hay công hữu, mà xác định sở

hữu toàn dân như là một chế độ sở hữu (Xem: Cương lĩnh năm 1991 và năm 2011; Hiến pháp năm 1992 và Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam), trong khi đó Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam (2001) và Hiến pháp năm 2013 lại sử dụng khái niệm “Các hình thức sở hữu cơ bản: Sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân”.

Việt Nam đang trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vì thế nền KTTT cũng bao hàm chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất (sở hữu tư nhân nhỏ cá thể, tiểu chủ và sở hữu tư nhân lớn (TBCN)) và chế độ công hữu XHCN với 3 hình thức sở hữu: sở hữu toàn dân, sở hữu nhà nước XHCN và sở hữu tập thể. Tuy vậy, vẫn còn có những ý kiến khác nhau về các hình thức sở hữu toàn dân và nhà nước. Cụ thể là: (i) Có ý kiến cho rằng, sở hữu toàn dân và sở hữu nhà nước tuy khác nhau về tên gọi, nhưng *thống nhất và đồng quy với nhau*, với nghĩa là nhà nước XHCN trở thành chủ sở hữu tư liệu sản xuất của toàn dân; (ii) Lại có ý kiến cho rằng: Sở hữu toàn dân và sở hữu nhà nước là hoàn toàn khác nhau, với nghĩa, toàn dân và nhà nước là hai khái niệm khác nhau về chất, nên sở hữu toàn dân và sở hữu nhà nước cũng là hai khái niệm có nội hàm và ngoại diện khác nhau, chúng có sự thống nhất, nhưng không đồng nhất. Thật vậy:

(1) Mọi quốc gia đều có những tài sản chung được xác định là đối tượng sở hữu của cả cộng đồng dân tộc. Do đó, theo quan niệm rộng, sở hữu toàn dân là hình thức phổ biến ở các quốc gia có chế độ chính trị - xã hội khác nhau, chứ không phải chỉ có ở các nước XHCN.

Đối tượng sở hữu được quy định theo pháp luật với những phạm vi khác nhau

tùy điều kiện cụ thể và quan niệm của mỗi nước. Nhưng dù với phạm vi nào và với thể chế chính trị - xã hội nào thì đối tượng sở hữu ấy phải thể hiện độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia ấy.

Chẳng hạn, Điều 53, Chương III, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 ghi “Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là *tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý*”.

(2) Theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (số 15/2017/QH14), được Quốc hội ban hành ngày 21/6/2017, thì “*Tài sản công* là tài sản thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý, bao gồm: tài sản công phục vụ hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ công, đảm bảo quốc phòng an ninh tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị; tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích cộng đồng; tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; tài sản công tại doanh nghiệp; tiền thuộc ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước, dự trữ ngoại hối nhà nước, đất đai và các loại tài nguyên khác”.

* Về kinh tế nhà nước, có thể thấy các nền KTTT trên thế giới đều có khu vực kinh tế nhà nước dựa trên hình thức sở hữu nhà nước và doanh nghiệp nhà nước thuộc kinh tế nhà nước, tuy nhiên, số lượng, quy mô doanh nghiệp nhà nước và vai trò của nó... được xác định khác nhau, tùy mỗi nước.

Ở Việt Nam, có thể hiểu kinh tế nhà nước là tập hợp sức mạnh kinh tế mà nó thể hiện trên các ngành, lĩnh vực trọng yếu, từ các định chế pháp luật, định chế tài

chính, hiệu quả sản xuất kinh doanh của “lực lượng nòng cốt” - các doanh nghiệp nhà nước, chứ không chỉ đóng khung trong khối tài sản đăng ký của doanh nghiệp nhà nước, ở quy mô sở hữu nhà nước và sở hữu toàn dân mà Nhà nước là đại diện chủ sở hữu. Hiểu như vậy, rõ ràng là kinh tế nhà nước với các nguồn lực, công cụ, chính sách của mình... giữ vai trò trọng yếu trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội, là nền tảng cơ bản để phát triển các ngành, các lĩnh vực, các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp. Vì thế, kinh tế nhà nước phải được xây dựng và phát triển, giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế: trong định hướng và điều tiết nền kinh tế, góp phần khắc phục khuyết tật và thất bại của cơ chế thị trường tự do và đảm bảo thực hiện thành công các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Doanh nghiệp nhà nước - “lực lượng nòng cốt” của kinh tế nhà nước phải đi tiên phong, mở đường ở những ngành, lĩnh vực đòi hỏi vốn lớn, công nghệ cao, một số hoạt động đầu tư mạo hiểm..., tạo nền tảng cơ bản cho những ngành sản xuất với công nghệ cao, tiên tiến, hiện đại và giá trị gia tăng cao. Xác định kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo với nội hàm mới phù hợp với Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (sửa đổi bổ sung năm 2011) và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sửa đổi năm 2013).

Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định mạnh mẽ hơn vai trò của kinh tế tư nhân, giai đoạn đất nước đã coi “kinh tế tư nhân là một động lực trong các động lực của nền kinh tế”, Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định và dứt khoát hơn, coi “Kinh tế tư nhân là động lực quan trọng của nền kinh tế”.

c. Cơ chế vận hành nền kinh tế: cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền XHCN

Đây là cơ chế hỗn hợp - kết hợp giữa cơ chế thị trường và sự quản lý của nhà nước, hay nói cách khác kết hợp giữa bàn tay vô hình với bàn tay hữu hình. Vận hành theo cơ chế này sẽ đảm bảo tính hướng dẫn, điều khiển hướng tới đích của nền KTTT: “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, theo phương châm: nhà nước điều tiết vĩ mô, thị trường hướng dẫn doanh nghiệp.

Cơ chế vận hành này phải được phân định (phân vai) rõ ràng: “Thị trường và cơ chế thị trường đóng vai trò chủ yếu trong việc huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển; là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất; các nguồn lực nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp với cơ chế thị trường, *Nhà nước* đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh; sử dụng các công cụ, chính sách, các nguồn lực của nhà nước để định hướng, điều tiết nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và bảo vệ môi trường; thực hiện tiến bộ công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016: 103).

Cơ chế vận hành nền KTTT thể hiện rõ các mặt cơ bản: cơ chế thị trường là nhân tố “trung tâm” của nền kinh tế, đóng vai trò “trung gian” giữa Nhà nước và doanh nghiệp. Nhà nước XHCN là nhân tố quan trọng đóng vai trò “nhân vật trung tâm” và điều hành kinh tế vĩ mô.

Trong điều hành, quản lý vĩ mô nền kinh tế, Nhà nước phải hạn chế tối đa những

mệnh lệnh hành chính để các hoạt động thị trường diễn ra chủ yếu theo sự hướng dẫn của các quy luật KTTT, đảm bảo nguyên tắc vận hành nền kinh tế là nguyên tắc thị trường “tự điều chỉnh”. Mặc khác, trong nền KTTT định hướng XHCN, thị trường không tự điều tiết hoàn toàn, mà còn phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ, do đó còn phải chịu sự điều chỉnh, quản lý của Nhà nước.

d. Nền KTTT Việt Nam hiện đại là nền “kinh tế mở” và hội nhập

Nền kinh tế mở là nền kinh tế có giao dịch với các nền kinh tế khác. Nền kinh tế này khác với nền kinh tế khép kín, đóng cửa không có xuất khẩu, không có nhập khẩu, không có các dòng di chuyển vốn.

Trong nền kinh tế mở, ngoài các biến số kinh tế vĩ mô giống như trong nền kinh tế khép kín như sản lượng, tỷ lệ lạm phát, tỷ lệ thất nghiệp, còn có các biến số kinh tế vĩ mô quan trọng khác như xuất khẩu ròng (tài khoản vãng lai), luồng vốn ròng (tài khoản vốn), tỷ giá hối đoái.

Độ mở cửa của nền kinh tế thể hiện ở một số chỉ tiêu (tính %): xuất nhập khẩu/GDP; xuất khẩu/GDP; nhập khẩu/GDP; GDP FDI/tổng GDP; vốn FDI/tổng vốn đầu tư; xuất khẩu FDI/tổng xuất khẩu. Như vậy, có thể thấy, độ mở cửa của nền kinh tế không chỉ thể hiện tỷ lệ xuất nhập khẩu/GDP... mà còn thể hiện ở việc mở cửa cho đầu tư nước ngoài trở thành một bộ phận quan trọng của nền kinh tế về nhiều mặt.

Mở cửa nền kinh tế để đưa nền kinh tế hội nhập vào nền kinh tế thế giới và khu vực, theo đó, Việt Nam tham gia vào nhiều định chế kinh tế quốc tế (toàn cầu) và khu vực, tích cực ký kết các hiệp định kinh tế, thương mại song phương và đa phương. Hội nhập với bên ngoài không chỉ là yếu tố góp phần tăng trưởng, phát triển kinh tế ở

từng thời điểm mà còn là động lực, là yếu tố quyết định quá trình phát triển lâu dài của nền kinh tế Việt Nam.

Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế có quan hệ khăng khít với việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, bởi lẽ hội nhập là con đường nhanh nhất để tăng cường tiềm lực kinh tế, khoa học và công nghệ, kinh nghiệm quản lý... trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh của đất nước về nguồn vốn con người và tài nguyên... đồng thời tích cực mở rộng, thâm nhập, tạo chỗ đứng ở các nền kinh tế trên thế giới và khu vực.

e. Tiêu chí có tính đặc thù - định hướng XHCN

Trong thời đại ngày nay, việc tồn tại KTTT và sử dụng KTTT ở bất kỳ quốc gia nào không phải vì lý do đi theo hay không đi theo CNTB mà là vì yêu cầu của việc phát triển sức sản xuất, yêu cầu của việc sử dụng các nguồn lực khan hiếm và hữu hạn. Việt Nam từ một nước có nền kinh tế chậm phát triển, từ năm 1986 cũng đã khẳng định tất yếu phải phát triển KTTT vì mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Tuy vậy, KTTT ở Việt Nam có những điểm khác biệt với KTTT nói chung định hướng XHCN. Các yếu tố định hướng XHCN mang tính “nội sinh” trong quá trình phát triển KTTT hiện đại của Việt Nam, thể hiện ở những điểm chủ yếu sau đây:

- Giá trị cơ bản của nền KTTT Việt Nam hiện đại là sáng tạo không ngừng và phát triển vì con người, lấy con người làm trung tâm của sự phát triển, mọi người được tham gia, mọi người được hưởng lợi. Đây chính là tính nhân văn của nền kinh tế, đặc trưng riêng của nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam.

(xem tiếp trang 27)